

QUAN NIỆM VỀ TIỂU THUYẾT CỦA CÁC NHÀ VĂN NAM BỘ CUỐI THẾ KỶ XIX ĐẦU THẾ KỶ XX

VÕ VĂN NHƠN

Cuối thế kỷ XIX đầu thế kỷ XX văn học Việt Nam đã có những bước chuyển lịch sử từ văn học truyền thống sang văn học hiện đại với sự xuất hiện của nhiều thể loại văn học mới, trong đó có tiểu thuyết. Để làm rõ hơn bước chuyển của văn học trên thể loại còn rất mới mẻ trong thời kỳ này, chúng tôi xin giới thiệu quan niệm của các nhà văn Nam Bộ về chức năng giáo dục, về vấn đề phản ánh hiện thực, về thể loại, về thủ pháp nghệ thuật và về ngôn ngữ của tiểu thuyết.

Sống trong một giai đoạn giao thời, các nhà văn Nam Bộ cuối thế kỷ XIX đầu thế kỷ XX có những phẩm chất rất đặc biệt. Họ là một thế hệ trẻ được đào tạo Tây học, nhưng cũng chịu ảnh hưởng sâu đậm bởi truyền thống Nho học của thời đại, của gia đình. Do là những người tiên phong nên họ cũng rất năng động. Đội ngũ này rất đông đảo, hiện diện dưới nhiều dáng vẻ khác nhau: người chỉ có một tác phẩm và xuất hiện trong một thời gian ngắn nhưng có ảnh hưởng không nhỏ như Nguyễn Trọng Quản; người viết quá nhiều, với một đời văn rất dài như Phú

Đức; người làm nên sự kiện như Biền Ngũ Nhy, Tân Dân Tử; người ngang tàng nhưng phải lặng lẽ bán văn như Sơn Vương; người cực kỳ cách tân như Nguyễn Trọng Quản; người dung hòa cải lương như Hồ Biểu Chánh; người say mê với lịch sử nước nhà như Tân Dân Tử; người đấu tranh sôi nổi cho đất nước, dân tộc như Trần Chánh Chiếu, Trương Duy Toàn; người quyết liệt đòi quyền lợi cho chị em phụ nữ như Phan Thị Bạch Vân... Họ là những nhà văn gắn liền với báo chí, với thị trường, luôn quan tâm đến thị hiếu của công chúng và đã bắt đầu thể hiện tính chuyên nghiệp. Các tác phẩm của họ thiên về văn chương đại chúng, gắn liền với hoàn cảnh xã hội, đã tạo nên một giai đoạn sôi nổi cho

Võ Văn Nhơn. Phó Giáo sư tiến sĩ. Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn, Đại học Quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh.

tiểu thuyết Nam Bộ đầu thế kỷ XX, để lại một dấu ấn rất đáng ghi nhận trong lịch sử tiểu thuyết Việt Nam hiện đại.

Bên cạnh việc sáng tác, các nhà văn Nam Bộ cuối thế kỷ XIX đầu thế kỷ XX cũng thể hiện quan niệm về tiểu thuyết của mình qua những lời nói đầu, tựa, tựa, lời bạt, tiểu dẫn, qua thể lệ các cuộc thi tiểu thuyết và có khi qua nội dung cụ thể của tác phẩm. Những ý kiến này còn lẻ tẻ, chưa nhiều, chưa thành hệ thống, nhưng cũng giúp chúng ta nắm bắt được phần nào quan niệm của các nhà văn về thể loại mới mẻ này.

1. QUAN NIỆM VỀ CHỨC NĂNG GIÁO DỤC

Đội ngũ các nhà văn mới của Nam Bộ lúc đó quan niệm văn học phải phản ánh hiện thực. Họ cũng rất chú ý đến thị hiếu của độc giả, đến chức năng giải trí. Nhưng chức năng giáo dục của văn học cũng được các nhà văn Nam Bộ coi trọng, bởi đó là truyền thống “văn dĩ tải đạo” của cha ông. Quan niệm đạo đức thường xuyên chi phối quá trình sáng tạo của nhà văn, không chỉ ở các nhà văn Công giáo mà còn rất sâu đậm ở các nhà văn khác. Nội dung tiểu thuyết Nam Bộ vì thế thường nghiêng về khía cạnh đạo lý. Trong hồi ký *Đời của tôi về văn nghệ*, Hồ Biểu Chánh nói rõ: “Viết tiểu thuyết để cảm hóa đặng lần lần dắt quần chúng trở về đường chánh đạo quang minh” (Nguyễn Khuê, 1998, tr. 259). Gần cuối đời, Hồ Biểu Chánh viết trong *Thư gửi Ban trị sự Khổng Tử tổ tự hội, tỉnh Gò Công*: “Sản xuất mấy chục pho tiểu thuyết, viết kịch bản,

làm phú, thi hay lập báo chí luôn luôn tôi vẫn đeo đuổi cái mục đích duy nhất là ‘Thành thân với thủ nghĩa’. Tôi cặm cụi đi tới, đi tới với một tâm hồn chân thành, một đức tin mạnh mẽ” (Nguyễn Khuê, 1998, tr. 265).

Trong lời tựa cuốn *Giọt máu chung tình*, Tân Dân Tử (1989, tr.14) viết: “Tôi chẳng nài lao tâm khổ não đem những ngày giờ dư giả trong lúc đêm tĩnh canh trường, mà tìm tòi một sự tích có thú vị, có ân tình, có tinh thần, có phẩm giá, đặng phô diễn ra đây, trước là phụ ích với các tiểu thuyết đương thời, sau là tỏ rằng trong xứ ta cũng chẳng hiếm kẻ khí phách anh hùng, trung trinh liệt nữ như các nước khác kia vậy?”.

Trong tác phẩm *Thù nhà nợ nước*, Dương Quang Nhiều (1928, tr. 11, 12) xác định mục đích sáng tác của mình: “Trong quyển *Thù nhà nợ nước* này, tác giả sẽ chỉ rõ những sự nào mà đoàn thể ta nên bắt chước, những đoạn nào mà đồng bào ta nên xa chừa; tác giả viết ra tiểu thuyết này là muốn tập rèn cái nết tốt cho đoàn thể quốc dân, cho đoàn thể quốc dân mình biết cái luân lý Việt Nam là tốt đẹp, cái phong hóa ở nước mình là hoàn toàn, kéo để bấy lâu nay, hàng nam giới và hàng nữ giới ở nước ta, hễ có chút mùi Tây học thì đem lòng chê bai khinh rẻ nền luân lý và phong hóa nước mình”.

Trong tác phẩm *Nghĩa hiệp kỳ duyên*, Nguyễn Chánh Sắc (1989, tr. 6) để cho nhân vật phát biểu ở cuối truyện: “Vậy sẵn lúc này có ông Nguyễn Chánh Sắc là người đồng hương với

ta, đang bình bút tại một tờ báo quán tại Sài Gòn vẫn là một người trước thuật trứ danh. Vậy thì nó cũng biên hết đầu đuôi lai lịch của vợ chồng ta đây, gởi lên cây người tô điểm lại cho hoàn toàn mà làm thành một pho tiểu thuyết, gọi là *Nghĩa hiệp kỳ duyên* rồi ấn hành ra hầu có nêu làm gương mà lưu truyền cho hậu thế:

Ấy là: Thiện ác đáo đầu chung hữu báo

Chỉ tranh lai tảo dữ lai tri

Xưa nay những đấng vô nghi

Gian ngoan cho lắm làm gì nên thân

Trời xanh chẳng phụ hiền nhân”.

Cũng dựa trên chức năng giáo dục, Nguyễn Háo Vĩnh (*Công luận báo* số 624/44 ngày 5/10/1923) đã phê bình tiểu thuyết *Hà Hương phong nguyệt* của Lê Hoàng Mưu rất nặng nề: “Tên Lê Hoàng Mưu là một tên tội nhờn lớn nhất trong xã hội An Nam ở Nam Bộ ngày nay và trong hồi sẽ đến..., làm cho phong hóa nước nhà trở nên suy đồi, tội viết sách phong tình rất đê tiện rồi ấn hành mà rải bán trong dân gian gọi cái tính xác thịt của loài ròi gia đình, tội làm cho dân trong nước trở nên đê tiện hèn yếu..., còn sách phong tình đê tiện của nó thì rải đi khắp dân gian làm cho đờn bà con gái phải hư, rồi những đờn bà sanh con đẻ cháu ra phải hư nữa..., bán hồn sanh linh muôn kiếp để nuôi thân đê tiện..., phải bỏ tên Lê Hoàng Mưu ra khỏi làng báo”.

Tuy nhiên, quan niệm “văn dĩ tải đạo”, “ơn đền oán trả”, “thiện ác đáo đầu chung hữu báo” này thực tế đã làm hạn chế việc phản ánh chân thực

cuộc sống trong các tiểu thuyết Nam Bộ. Tính cách nhân vật nhiều khi giả tạo, khiên cưỡng, cốt truyện và tình tiết cũng phát triển không logic, hợp lý.

2. QUAN NIỆM VỀ PHẢN ÁNH HIỆN THỰC

Chịu ảnh hưởng bởi chủ nghĩa hiện thực của phương Tây, nhiều nhà văn cho rằng tác phẩm phải bắt nguồn từ những sự thực vốn có trong đời sống, hay có thể có thực như ý kiến của Nguyễn Trọng Quản, của Trương Duy Toàn, của Trần Thiên Trung đã nói trên. Phạm Minh Kiên trong một bài trên *Đông Pháp thời báo* (6 Aout, 1926) còn nói rõ về “điều văn chơn tả”, bắt chước theo tiểu thuyết Pháp: “Ông Hồ Biểu Chánh... ông thường nói rằng ông thấy văn chương Pháp, từ nửa thế kỷ 19 trở lại đây, có nảy ra một điều văn mới là điều “chơn tả” công chúng đều ưa lắm. Ông ước ao cho văn sĩ Annam ta bắt chước theo điều văn ấy mà viết tiểu thuyết...”.

Tái hiện lại cuộc đời truân chuyên của cô Ba Trà, một trang tuyệt sắc giai nhân của Sài Gòn lúc bấy giờ, Nguyễn Ý Bửu mong muốn: “Tôi xin đem lịch sử thương tâm của nàng mà phô trương vẽ bày trước mặt khán quan... Tôi mơ ước cho quyển tiểu thuyết nhỏ mọn này đăng khán giả hoan nghênh. Tôi lượm lặt lời thơ đông dài và góp thêm tấn trò đời một chuyện thể gian hy hữu” (*Cô Ba Trà – Lời tựa*).

Ý thức về việc phản ánh hiện thực cuộc sống với tất cả sắc màu phức tạp của nó được xem là một bước tiến

quan trọng trong ý thức sáng tạo của các nhà tiểu thuyết ở Nam Bộ. Chính ý thức tiến bộ này làm cho tiểu thuyết Nam Bộ tiếp cận được với cái hiện thực bề bộn, đa dạng của xã hội Nam Bộ trong thời kỳ thuộc Pháp.

3. QUAN NIỆM VỀ THỂ LOẠI

Khái niệm “tiểu thuyết” vốn xuất phát từ Trung Quốc, được hiểu một cách rộng rãi là ngoài kinh điển của Nho gia, các trước thuật khác đều được xem là tiểu thuyết. Đó là những lời nói nơi “thôn cùng ngõ hẻm”, là “lời quê cốp nhặt đông dài”. Thể loại này không được đánh giá cao như thơ, phú, lục. Vốn chịu ảnh hưởng sâu đậm của văn hóa Trung Hoa, của Nho giáo, các nhà văn Việt Nam trong thời trung đại cũng tuân theo quan niệm đó. Chỉ đến khi tiếp xúc với văn hóa phương Tây, quan niệm này mới bắt đầu bị lung lay. Trong lời tựa *Truyện Thầy Lazaro Phiền* (1987), Nguyễn Trọng Quản viết: “Đã biết rằng xưa nay dân ta chẳng thiếu chi thơ văn, phú, truyện nói về những đấng anh hùng hào kiệt, những tay tài cao trí cả rồi đó, mà những đấng ấy thuộc về đời xưa hay chẳng còn nữa. Bởi đó tôi mới dám bày đặt một truyện đời này là sự thường có trước mắt ta luôn, như vậy sẽ có nhiều người lấy lòng vui mà đọc, kẻ thì quen mặt chữ người thì cho đặng giải buồn một giây”.

Trương Duy Toàn trong lời tựa *Phan Yên ngoại sử, tiết phụ gian truân* (1910) viết: “VẬY theo trí mọn tôi, thì nay phải bỏ những là Lê Huê pháp thuật, Kim Đính thần thông, Khương Thượng phong thần, Thế Hùng tróc

quỷ, Chung Hy lập trận, Bồ tát cứu binh, Đại thánh loạn thiên cung, Ánh Đăng về tiên cảnh... mà sắp bày ra chuyện chi mới, bây giờ mặc dầu, miễn là cho tránh khỏi cái nẻo dị đoan mà báo ứng phân minh thì đủ rồi”.

Trong lời tựa tác phẩm *Hoàng Tố Anh hàm oan* (1910), Trần Thiên Trung (tức Trần Chánh Chiếu) cũng viết: “Nay tôi ngụ ý soạn một bản nói về một việc trong xứ mình, dùng tiếng tầm thường cho mọi người dễ hiểu đặng... truyện này tuy là đồ thuyết, song theo cuộc đời thường tình thiên hạ hằng có như vậy luôn, chẳng phải nói dị đoan sang đàng quá trí khôn con người”.

Các nhà văn như vậy đã bắt đầu có ý thức về đặc trưng của thể loại. Trần Thiên Trung trong *Hoàng Tố Anh hàm oan* đã ghi rõ chữ “Roman moderne” dưới tên tác phẩm của mình. Lê Hoàng Mưu cũng ghi “Roman fantastique” trên trang bìa cuốn *Hà Hương phong nguyệt*... Các cuộc thi tiểu thuyết của thời đó, như cuộc thi của *Nông cổ mín đàm* (số 262, ngày 23/10/1906), đã khuyến khích người ta viết theo nghĩa “roman” của người Pháp:

“Nay bản quán xin ra đề:

Tiền căn báo hậu

(Về việc tình)

(Người Langsa gọi Roman nghĩa là lấy trí riêng mình mà đặt ra một truyện tùy theo nhơn vật, phong tục trong xứ, dường như truyện có thiệt vậy) ”.

Cuộc thi của *Đông Pháp thời báo* (ra ngày 28/6/1929), trong quy định cũng khuyến khích thí sinh:

“Những sách gửi đến dự khảo phải viết bằng tiếng quốc văn, hoặc văn vần (vận văn) hoặc văn xuôi (tân văn) theo điều sau đây:

Tiểu thuyết về lịch sử, sự tích rút trong Nam Việt sử ký.

Tiểu thuyết về chuyện tình cờ (Roman d'Adventure).

Tiểu thuyết về thể tục (Roman de Moeurs)”.

Tiểu thuyết, như vậy, theo họ phải là những tác phẩm bắt nguồn từ hiện thực của cuộc sống và phải được thể hiện bằng ngôn ngữ bình thường của nhân dân. Chính ý thức mới mẻ này đã làm cho tiểu thuyết quốc ngữ Nam Bộ ngày càng thoát khỏi ảnh hưởng của quan niệm “thuật nhi bất tác” của văn học Nho gia để đi vào quỹ đạo của văn học hiện đại thế giới.

Trong thời kỳ cuối thế kỷ XIX đầu thế kỷ XX, ở nước ta chưa có khái niệm truyện ngắn. Khái niệm này chỉ xuất hiện trên *Nam Phong tạp chí* từ tháng 1/1933. Trước đó các nhà văn chỉ sử dụng hai khái niệm tiểu thuyết và đoản thiên tiểu thuyết. Đây cũng là ảnh hưởng của quan niệm văn học Trung Hoa, vốn chia tiểu thuyết thành ba loại: đoản thiên tiểu thuyết, trung thiên tiểu thuyết, trường thiên tiểu thuyết. Về sau này, dưới ảnh hưởng của quan niệm phương Tây mới có sự phân biệt về đặc trưng thể loại giữa tiểu thuyết và đoản thiên tiểu thuyết. Tác giả T.D. trong bài *Bàn về đoản thiên tiểu thuyết* đăng trên *Phụ trương văn chương* của *Đông Pháp thời báo* số 752 (4/8/1928) khẳng định: “đoản thiên với trường

thiên khác nhau bởi dài ngắn, ấy mới là phần hình thức thôi; còn khác nhau nữa về tinh thần nữa, mà phần này lại trọng yếu hơn... Đại để: trường thiên tả cả phần nguyên, còn đoản thiên chỉ tả một phần lẻ. Tả phần nguyên nghĩa là chung cả, hoặc về sự biến động của một thời kỳ,... hoặc về phong tục của một xã hội,... hoặc về thân thể của một người... Tả phần lẻ nghĩa là chỉ chú ý vào một sự gì đó mà phò bày nó ra cho hết về”.

Thực tế trong sáng tác của các nhà văn thời kỳ này, chưa có sự phân biệt rạch ròi giữa truyện ngắn và tiểu thuyết, họ chỉ căn cứ vào dung lượng dài ngắn để gọi đó là tiểu thuyết hay đoản thiên tiểu thuyết. Ghi là đoản thiên tiểu thuyết vì thường có độ dài từ vài trang đến vài mươi trang như các tác phẩm của Việt Đông, Lê Mai, Sơn Vương, Trần Quang Nghiệp, nhưng rất nhiều tác phẩm của họ giống như là tiểu thuyết rút gọn khi viết về cả một cuộc đời, cả số phận của nhân vật.

4. QUAN NIỆM VỀ THỦ PHÁP NGHỆ THUẬT

Về thủ pháp nghệ thuật trong sáng tác tiểu thuyết, các nhà văn ở Nam Bộ chưa có nhiều ý kiến. Quan niệm của họ về vấn đề này chưa sâu sắc. Trong Lời tựa cuốn *Lê Triều Lý Thị*, Phạm Minh Kiên (1931, tr. 6) viết: “Trong bộ truyện này lớp lang đủ điệu, có khi hoạn nạn, có lúc hiển vinh, có hồi ai bi, có khi chinh chiến...”.

Trong *Giọt máu chung tình*, Tân Dân Tử (1989, tr. 14) cũng viết: “Trong

quyển tiểu thuyết này, những lời nói giọng tình, câu chuyện đặt để kỹ càng, có lối văn chương, có mùi tao nhã, có chỗ thì cao đàm hùng biện mà làm ngọn roi kích bác cho phong tục đương thời, chỗ thì nghị luận khuyên răn, làm một phương thức bổ ích tinh thần cho kẻ hậu sanh hậu tấn, chỗ lại bi hoan, ly hiệp tình tứ thâm trầm khiến cho độc giả cũng có lúc xúc động tâm thần mà nheo mày chặt lưỡi, cũng có lúc vui lòng hứng chí, mà được giải khuây một ít cơn sầu, cũng có khi dựa gối cúi đầu, ngẫm nghĩ cuộc đời mà thương người nhớ cảnh”.

Trong lời tựa cuốn *Gia Long tẩu quốc*, Tân Dân Tử (1930, tr. 9) lại nói về sức hấp dẫn của tiểu thuyết so với sử học: “Lịch sử đại lược chỉ tóm tắt những sự lớn lao mà không nói cặn kẽ những sự mảy múng. Còn lịch sử tiểu thuyết thì nói đủ cả, vừa chuyện lớn lao, vừa chuyện mảy múng đều trải ra như một cảnh tự nhiên, hiển hiện trước mắt. Lịch sử đại lược có nói nhân vật sơn xuyên, quốc gia hưng phế, mà không tả tranh mạo ngôn ngữ, không tả tính tình phong cảnh, còn lại lịch sử tiểu thuyết thì nói đủ các nhân vật sơn xuyên, tính tình ngôn ngữ, tả tới hỉ nộ ái ố, trí não tinh thần, tả tới phong cảnh cỏ non, của các nhà đài các, ngành chim lá gió, nhạc suối kèn ve, làm cho độc giả ngồi xem quyển sách miệng đọc câu văn mà dường như mình đã hóa thân đi du lịch, xem thấy một phong cảnh, một nhân vật nào đó, khiến cho kẻ đọc ấy dễ cảm xúc vào lòng để quan niệm vào trí...”.

Mới làm quen, học tập với văn học phương Tây chưa lâu, các nhà văn ta còn chưa quan tâm nhiều đến những vấn đề quan trọng của nghệ thuật như vấn đề lựa chọn chi tiết điển hình, mô tả chân dung nhân vật, cách tả cảnh, tả tình... Nhưng bằng thực tế sáng tác, họ cũng đã có những thành công rất đáng chú ý.

5. QUAN NIỆM VỀ NGÔN NGỮ TIỂU THUYẾT

Dưới ảnh hưởng của văn học phương Tây, các nhà văn đã có ý thức dùng ngôn ngữ của đời thường trong tác phẩm của mình. Đây là một cố gắng để bứt ra khỏi truyền thống văn vần của văn học trung đại để đến với tiểu thuyết văn xuôi, hình thức mới của tiểu thuyết hiện đại. Nguyễn Trọng Quản đã nêu lên vấn đề này trong lời tựa *Truyện Thầy Lazaro Phiền* (1887, tr. 4): “Tôi có ý dụng lấy tiếng thường mọi người hằng nói mà làm ra một truyện hầu cho kẻ sau coi mà bày đặt ra cùng in ra. Ít nhiều truyện hay, trước là làm cho trẻ con ham vui mà tập đọc, sau là làm cho dân các xứ biết rằng người An Nam sánh trí sánh tài thì cũng chẳng thua ai”.

Trong cuộc thi tiểu thuyết quốc ngữ đầu tiên của nước ta do báo *Nông cổ mín đàm* tổ chức năm 1906 (số 262, ngày 23/6/1906, cũng có yêu cầu: “Phải giữ chừng cho lạc đề. Đặt tiếng thường, thanh nhã, dễ hiểu như truyện vậy”.

Trong lời tựa tác phẩm *Hoàng Tố Anh hàm oan*, Trần Thiên Trung cũng viết: “Nay tôi ngụ ý soạn một bản nói về một việc trong xứ mình, dùng tiếng

tâm thường cho mọi người dễ hiểu đặng” (Trần Chánh Chiêu, 1910, tr. 4). Hồ Biểu Chánh cũng rất ý thức về sức mạnh của tiểu thuyết văn xuôi: “Cụ Trần Chánh Chiêu cho xuất bản *Hoàng Tố Anh hàm oan* là tiểu thuyết đầu tiên trong lục tỉnh, truyện tinh tả nhân vật trong xứ và viết theo điệu văn xuôi. Đọc quyển này, cảm thấy viết truyện bằng văn xuôi dễ cảm hóa người đọc hơn, bởi vậy năm 1912 đổi xuống làm việc tại Cà Mau mới viết thử quyển *Ai làm được* là quyển tiểu thuyết thứ nhất viết văn xuôi tại Cà Mau với những nhân vật cũng là Cà Mau” (Vương Trí Nhàn, 1996, tr. 29).

Viết tác phẩm *Giọt máu chung tình* (1926), Tân Dân Tử (1989, tr. 14) cũng đưa ra nhận xét: “Những nhà đại gia văn chương trong xứ ta khi trước hay dùng sự tích truyện nước Tàu mà diễn ra quốc văn của ta như *Kim Vân Kiều*, *Nhị Độ Mai*, *Phan Trần truyện*, *Lục Vân Tiên truyện* thì hoàn toàn dùng cách văn lục bát mà thôi, chưa thấy truyện nào đạt theo cách văn lưu thủy là văn xuôi theo tiếng nói thường của mình cho dễ hiểu, mau nghe”.

Quan niệm này chính là sự tiếp nối chủ trương câu văn xuôi phải “trơn

tuột như lời nói thường” mà Trương Vĩnh Ký từ cuối thế kỷ XIX đã từng đề xướng. Từ quan niệm này, nền văn học chủ yếu viết bằng văn vần của Việt Nam đã chuyển sang một nền văn học có âm hưởng chủ đạo là văn xuôi với những thành tựu rất đáng ghi nhận.

6. KẾT LUẬN

Nhìn chung, quan niệm về tiểu thuyết của các nhà văn Nam Bộ thời kỳ cuối thế kỷ XIX đầu thế kỷ XX còn chịu ảnh hưởng sâu đậm bởi quan niệm văn học Trung Quốc truyền thống, nhưng bước đầu họ đã tiếp thu quan niệm về tiểu thuyết của phương Tây, mặc dù còn khá đơn giản. Họ chưa phân biệt truyện ngắn và tiểu thuyết như là những thể loại khác nhau, phản ánh những phương thức tư duy nghệ thuật khác nhau. Họ gọi văn xuôi hư cấu lúc đó là “tiểu thuyết” nói chung, viết dài được gọi là tiểu thuyết, viết ngắn gọi là đoạn thiên tiểu thuyết. Nhưng quan niệm này cũng đã bước đầu thể hiện một tư duy khá mới mẻ về tiểu thuyết so với thời kỳ trung đại, điều này đã góp phần làm hiện đại hóa tiểu thuyết Việt Nam, đưa tiểu thuyết Việt Nam đi vào dòng chảy của văn học thế giới. □

TÀI LIỆU TRÍCH DẪN

1. Nguyễn Háo Vĩnh. *Gỡ cái mặt nạ Lê Hoảng Mưu chủ bút Lục tỉnh tân văn*. Công luận báo, số 624/44 ngày 5/10/1923.
2. *Đông Pháp thời báo*, ngày 28/6/1929.
3. *Đông Pháp thời báo*, số 752, ngày 4/8/1928.
4. Phạm Minh Kiên. *Giải chỗ tường lằm*. *Đông Pháp thời báo*, số 468, 6 Aout, 1926.
5. Dương Quang Nhiều. 1928. *Thù nhà nợ nước*. Sài Gòn: Nhà in Xưa và Nay.
6. *Nam Phong tạp chí*, từ tháng 1/1933.

7. Nguyễn Chánh Sắc. 1989. *Nghĩa hiệp kỳ duyên*. Tiền Giang: Nxb. Tổng hợp Tiền Giang.
8. Nguyễn Khuê. 1998. *Chân dung Hồ Biểu Chánh*. TPHCM: Nxb. TPHCM.
9. Nguyễn Trọng Quản. 1987. *Truyện Thầy Lazaro Phiền*. Sài Gòn: Rey et Curiot.
10. Nguyễn Ý Bửu. 1927. *Cô Ba Trách*. Sài Gòn: Tín Đức thư xã.
11. *Nông cổ mín đàm*, số 262, ngày 23/6/1906.
12. Phạm Minh Kiên. 1931. *Lê Triều Lý Thị*. Sài Gòn: Nxb. Hồng Đức.
13. Tân Dân Tử. 1930. *Gia Long tẩu quốc*. Sài Gòn: Nxb. Bảo Tồn.
14. Tân Dân Tử. 1989. *Giọt máu chung tình*. Tiền Giang: Nxb. Tổng hợp Tiền Giang.
15. Trần Chánh Chiêu. 1910. *Hoàng Tố Anh hàm oan*. Sài Gòn: Phát Toán.
16. Trương Duy Toàn. 1910. *Phan Yên ngoại sử (Tiết phụ gian truân)*. Sài Gòn: F.H. Schneider - Imprimerie éditeur xuất bản.
17. Vương Trí Nhàn. 1996. *Khảo về tiểu thuyết*. Hà Nội: Nxb. Hội Nhà văn.